

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG TIỂU HỌC HÙNG VƯƠNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2023-2024

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh HS	765	139	151	141	142	192
II	Số HS học 2 buổi/ngày	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	(tỷ lệ so với tổng số)						
III	Về phẩm chất						
	<u>Khối 1, 2, 3, 4</u> (tỉ lệ so với tổng số)						
1	<i>Yêu nước</i>	573	139	151	141	142	
	<i>Tốt</i>	98.95%	98.6%	100%	98.6%	98.6%	
	<i>Đạt</i>	0.88%	0.7%		1.4%	1.4%	
	<i>Cần cố gắng</i>	0.18%	0.7%				
2	<i>Nhân ái</i>	573	139	151	141	142	
	<i>Tốt</i>	98.95%	98.6%	100%	98.6%	98.6%	
	<i>Đạt</i>	0.88%	0.7%		1.4%	1.4%	
	<i>Cần cố gắng</i>	0.18%	0.7%				
3	<i>Chăm chỉ</i>	573	139	151	141	142	
	<i>Tốt</i>	91.65%	95%	90.7%	90.8%	90.1%	
	<i>Đạt</i>	8.18%	4.3%	9.3%	9.2%	9.9%	
	<i>Cần cố gắng</i>	0.18%	0.7%				
4	<i>Trung thực</i>	573	139	151	141	142	
	<i>Tốt</i>	97.78%	98.6%	96.7%	99.3%	96.5%	
	<i>Đạt</i>	2.05%	0.7%	3.3%	0.7%	3.5%	
	<i>Cần cố gắng</i>	0.18%	0.7%				
5	<i>Trách nhiệm</i>	573	139	151	141	142	
	<i>Tốt</i>	96.35%	97.1%	96%	99.3%	93%	
	<i>Đạt</i>	3.48%	2.2%	4%	0.7%	7%	
	<i>Cần cố gắng</i>						
	<u>Khối 5</u> (tỉ lệ so với tổng số)						
1	<i>Chăm học, chăm làm</i>	192					192

	Tốt	94.3%					94.3%
	Đạt	5.7%					5.7%
	Cần cố gắng						
2	Tự tin, trách nhiệm	192					192
	Tốt	97.4%					97.4%
	Đạt	2.6%					2.6%
	Cần cố gắng						
3	Trung thực, kỷ luật	192					192
	Tốt	96.9%					96.9%
	Đạt	3.1%					3.1%
	Cần cố gắng						
4	Đoàn kết, yêu thương	192					192
	Tốt	100%					100%
	Đạt						
	Cần cố gắng						
IV	Về năng lực						
	<u>Năng lực đặc thù:</u> Khối 1, 2, 3, 4 (tỷ lệ so với tổng số)						
1	Ngôn ngữ	573	139	151	141	142	
	Tốt	91.7%	93.6%	96.7%	91.5%	84.5%	
	Đạt	8%	5%	3.3%	8.5%	15.5%	
	Cần cố gắng	0.3%	1.4%				
2	Tính toán	573	139	151	141	142	
	Tốt	89.6%	92.1%	94.7%	80.9%	90.1%	
	Đạt	10.1%	6.5%	5.3%	19.1%	9.9%	
	Cần cố gắng	0.3%	1.4%				
3	Khoa học	573	139	151	141	142	
	Tốt	97%	95.7%	98.7%	95.7%	97.9%	
	Đạt	2.7%	2.9%	1.3%	4.3%	2.1%	
	Cần cố gắng	0.3%	1.4%				
4	Thẩm mỹ	573	139	151	141	142	
	Tốt	97.6%	96.4%	96.7%	97.2%	100%	
	Đạt	2.1%	2.2%	3.3%	2.8%		
	Cần cố gắng	0.3%	1.4%				
5	Thể chất	573	139	151	141	142	
	Tốt	98.7%	97.9%	98.7%	97.9%	100%	
	Đạt	1%	0.7%	1.3%	2.1%		

	<i>Cần cố gắng</i>	0.3%	1.4%				
6	Tin học	573	139	151	141	142	
	<i>Tốt</i>	99.3%	100%	100%	98.6%	100%	
	<i>Đạt</i>	0.7%			1.4%		
	<i>Cần cố gắng</i>						
7	Công nghệ	573	139	151	141	142	
	<i>Tốt</i>	96.1%	100%	92.9%	99.3%	100%	
	<i>Đạt</i>	3.9%		7.1%	0.7%		
	<i>Cần cố gắng</i>						
<u>Năng lực chung:</u> <i>Khối 1 đến Khối 5 (tỷ lệ so với tổng số)</i>							
1	Tự chủ và tự học	573	139	151	141	142	
	<i>Tốt</i>	90.8%	92.1%	87.4%	89.4%	94.4%	
	<i>Đạt</i>	8.6%	5.8%	12.6%	9.9%	5.6%	
	<i>Cần cố gắng</i>	0.7%	2.1%		0.7%		
2	Giao tiếp và hợp tác	573	139	151	141	142	
	<i>Tốt</i>	95.1%	94.3%	95.4%	97.2%	93.7%	
	<i>Đạt</i>	4.7%	5%	4.6%	2.8%	6.3%	
	<i>Cần cố gắng</i>	0.2%	0.7%				
3	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	573	139	151	141	142	
	<i>Tốt</i>	91.5%	96.4%	90.7%	87.9%	90.8%	
	<i>Đạt</i>	8.2%	2.2%	9.3%	12.1%	9.2%	
	<i>Cần cố gắng</i>	0.3%	1.4%				
4	Tự phục vụ, tự quản	192					192
	<i>Tốt</i>	97.9%					97.9%
	<i>Đạt</i>	2.1%					2.1%
	<i>Cần cố gắng</i>						
5	Hợp tác	192					192
	<i>Tốt</i>	93.8%					93.8%
	<i>Đạt</i>	6.2%					6.2%
	<i>Cần cố gắng</i>						
6	Tự học và giải quyết vấn đề	192					192
	<i>Tốt</i>	86.5%					86.5%
	<i>Đạt</i>	13.5%					13.5%
	<i>Cần cố gắng</i>						

V	Kết quả đánh giá HS						
1	Tiếng Việt	765	139	151	141	142	192
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	84.1%	92.1%	82.8%	80.1%	72.5%	90.6%
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i>	15%	3.6%	17.2%	19.1%	27.5%	9.4%
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i>	0.9%	4.3%		0.8%		
2	Toán	765	139	151	141	142	192
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	85%	92.1%	87.4%	63.8%	85.9%	92.7%
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i>	14.8%	6.5%	12.6%	36.2%	14.1%	7.3%
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i>	0,2%	1.4%				
3	Khoa học	334				142	192
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	93.4%				88.7%	96.9%
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i>	6.6%				11.3%	3.1%
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i>						
4	Lịch sử và Địa lí	334				142	192
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	91.3%				88.7%	93.2%
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i>	8.7%				11.3%	6.8%
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i>						
5	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	475			141	142	160
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	77.2%			69.5%	80.3%	81.2%
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i>	22.8%			30.5%	19.7%	18.8%
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i>						
6	TH-CN (Tin học)	475			141	142	192
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	95.6%			85.1%	100%	100%
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i>	4.4%			14.9%		
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i>						
7	Đạo đức	765	139	151	141	142	192
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	97.9%	97.8%	95.4%	97.9%	97.9%	100%
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i>	1.8%	0.7%	4.6%	2.1%	2.1%	
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i>	0.3%	1.5%				
8	Tự nhiên và Xã hội	431	139	151	141		
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	94.7%	97.1%	95.4%	91.5%		
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i>	4.9%	1.4%	4.6%	8.5%		
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i>	0.4%	1.4%				
9	Nghệ thuật (Âm nhạc)	765	139	151	141	142	192
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	93.6%	89.9%	88.7%	97.9%	100%	92.2%
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i>	6.1%	8.6%	11.3%	2.1%		7.8%
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i>	0.3%	1.5%				

10	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	765	139	151	141	142	192
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	99.7%	98.6%	100%	100%	100%	100%
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i>						
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i>	0.3%	1.4%				
11	TH-CN (Công nghệ)	283			141	142	
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	86.9%			79.4%	94.4%	
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i>	13.1%			20.6%	5.6%	
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i>						
12	Kĩ thuật	192					192
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	100%					100%
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i>						
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i>						
13	GDTC (Thể dục)	765	139	151	141	142	192
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	99.7%	98.6%	100%	100%	100%	100%
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i>						
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i>	0.3%	1.4%				
14	Hoạt động trải nghiệm	573	139	151	141	142	
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	95.5%	95.7%	96%	93.6%	96.5%	
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i>	4.2%	2.9%	4%	6.4%	3.5%	
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i>	0.3%	1.4%				
15	Tiếng dân tộc	53				21	32
<i>a</i>	<i>Hoàn thành tốt</i>	66%				61.9%	68.8%
<i>b</i>	<i>Hoàn thành</i>	34%				38.1%	31.2%
<i>c</i>	<i>Chưa hoàn thành</i>						

Quận 5, ngày 04 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



PHÙNG NGỌC THÚY